

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 09/4/2019

“Tranh chấp quyền sử dụng đất
và tiền bồi thường khi thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Ông Võ Hùng Em.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương- Kiểm sát viên.

Vào ngày 09/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường khi thu hồi đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Minh S, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phan Hồng P, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ủy ban nhân dân huyện T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N- Chủ tịch.

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh D- Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông V, ông S và ông P có mặt tại phiên tòa, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T và đại diện Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2018; tờ tường trình ngày 04/02/2018; biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018; biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa ông Lê Văn V trình bày:* Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp với ông S trước đây là của gia đình ông, với tổng diện tích là 9.058m², thuộc thửa 331, diện tích 1.625m², loại đất T, thửa 332, diện tích 2.150m², loại đất lúa và thửa 337, diện tích 5.283m², loại đất lúa. Do hoàn cảnh khó khăn, năm 1999 ông thỏa thuận sang nhượng phần đất trên cho ông Phan Hồng P với số tiền là 19 cây vàng 24K. Thời điểm ông sang nhượng đất cho ông P thì trên phần đất thuộc thửa 331 có khu mồ mã của gia đình ông, nên giữa ông với ông P có thỏa thuận chừa phần đất trên lại cho gia đình ông. Lúc thỏa thuận sang nhượng, 2 bên có làm giấy tay với nhau (giấy tay ngày 20/5/1999). Theo giấy mua bán trên thì phần đất ông sang nhượng của ông P chiều ngang mặt tiền là 42,7 mét, chiều ngang sau hậu là 44 mét, chiều dài phía ngoài là 182,5 mét, chiều dài phía trong là 170,5 mét. Khi 2 bên đến địa chính xã làm thủ tục sang tên, có yêu cầu chừa phần đất khu mồ mã ra, lúc đó địa chính xã cho rằng nếu chừa phần diện tích trên ra phải làm thủ tục tách thửa, thời gian sẽ kéo dài, nên giữa ông với ông P lập thủ tục sang nhượng hết toàn bộ phần đất do ông đứng tên cho ông P, nhưng giữa ông với ông P có thỏa thuận là chừa lại phần diện tích đất khu mồ mã lại cho gia đình ông (theo giấy sang nhượng tay ngày 20/5/1999) giữa 2 bên và sau khi ông sang nhượng đất cho ông P thì phần diện tích đất khu mồ mã ông vẫn tiếp tục quản lý và sử dụng, cụ thể: ông cất nhà cho con ông ở, xây bồn nuôi Lươn và trồng cây trên phần đất trên. Năm 2003, ông P sang nhượng phần đất trên lại cho ông Đinh Hoàng Bé và ông Đinh Minh S, khi ông P sang nhượng phần đất trên lại cho ông Bé và ông S thì các bên cũng thỏa thuận là phần diện tích đất khu mồ mã là của gia đình ông nên khi sang nhượng ông Bé có trồng các trụ đá ranh, để xác định phần đất khu mồ mã của gia đình ông và phần đất của bên ông Bé (các trụ đá ranh hiện nay vẫn còn).

Phần đất khu mồ mã của gia đình ông có diện tích là 317m², thuộc một phần thửa 3446, tờ bản đồ số 1, do ông S đứng tên, hiện nay đã bị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi để làm hệ thống giao thông và có bồi thường khi thu hồi đất với giá là 1.200.000đ/m², với tổng số tiền là 380.400.000 đồng.

Hiện nay ông đã di dời mồ mã, nhà cửa và cây cối theo yêu cầu của Nhà nước xong.

Nay ông yêu cầu ông S phải giao trả lại phần diện tích đất trên lại cho ông và yêu cầu được nhận số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi diện tích đất trên là 380.400.000 đồng.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 12/9/2018 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018; 16/01/2019; biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa ông Đinh Minh S trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay, trước đây là của ông V, ông V sang nhượng lại cho ông P và ông P sang nhượng lại cho ông. Khi ông sang nhượng phần đất trên, thì phần đất tranh chấp hiện nay, trước đây là phần đất thấp hơn những chỗ khác, nên không biết có mồ mã gì không, đến khoảng thời gian sau (không biết năm nào) thì ông V tôn cao xây mộ bằng bê tông, lúc này ông thấy có 2 cái mộ bằng bê tông và 1 căn nhà. Khi ông sang nhượng đất, ông P có đưa cho ông giấy tay sang nhượng đất giữa ông P và ông V (Giấy tay ngày 20/5/1999) cho ông và làm thủ tục sang tên toàn bộ phần diện tích đất mà ông P đã bán cho ông. Phần diện tích đất khu mồ mã đang tranh chấp là 317m² là của gia đình ông V, lúc sang nhượng đất cho ông thì ông V đã cắt ra thành thửa riêng rồi, nên phần đất tranh chấp không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Ông chỉ mua bán với ông P không có mua bán gì với ông V, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông V.

- *Tại tờ tường trình ngày 13/8/2018; biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa ông Phan Hồng P trình bày:* Năm 1999 ông có thỏa thuận sang nhượng của ông V gồm đất ruộng và đất thổ cư thuộc thửa 331, diện tích 1.625m², loại đất T, thửa 332, diện tích 2.150m², loại đất lúa và thửa 337, diện tích 5.283m², loại đất lúa, với tổng diện tích là 9.058m², thời điểm ông sang nhượng phần đất trên, trên phần đất thuộc thửa 331 có khu mồ mã của gia đình ông V nên giữa ông với ông V có làm giấy tay chừa lại khu mồ mã cho gia đình ông V (có thể hiện trên giấy tay bán đất ngày 20/5/1999). Năm 2003, ông sang nhượng toàn bộ phần đất trên lại cho ông Bé (anh ông S). Khi sang nhượng, ông cũng cho ông Bé biết có chừa lại khu mồ mã cho gia đình ông V nên ông Bé có trồng các trụ đá ranh để xác định khu mồ mã của gia đình ông V.

Nay ông yêu cầu ông S giao trả phần đất khu mồ mã lại cho bên ông V quản lý và sử dụng.

Tại văn bản số 1312/UBND-NC ngày 23/11/2018, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Đinh Minh S với ông Lê Văn V có diện tích là 317m² (diện tích toàn thửa là 812), thuộc một phần của thửa 3446, tờ bản đồ số 02, do ông ông Đinh Minh S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp trên Ủy

ban nhân dân huyện T đã thu hồi để làm Dự án đầu tư Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch, nhưng chưa chi trả tiền bồi thường do đất còn đang tranh chấp, chờ cơ quan giải quyết có thẩm quyền.

Tại văn bản số 599/BQLDA&PTQĐ ngày 24/12/2018 đại diện Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T trình bày: Ngày 26/01/2018 Ủy ban nhân dân huyện T có ban hành quyết định số 130/QĐ-UBND-HC về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp, trong đó có thu hồi toàn bộ thửa đất số 3446, tờ bản đồ số 2, diện tích 812m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, do ông Đinh Minh S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cho đến nay chưa chi trả tiền bồi thường cho ai.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình đối với vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm đối với vụ án trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 75, 79, 166 và Điều 203 Luật Đất đai:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V đối với ông Đinh Minh S. Buộc ông Đinh Minh S có trách nhiệm giao trả lại cho ông Lê Văn V phần đất có diện tích là 317m², thuộc một phần của thửa 3446, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02100 QSDĐ/2765/H, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 24/12/2003 do ông Đinh Minh S đứng tên.

Ông Lê Văn V được đến Ủy ban nhân dân huyện T để nhận số tiền đền bù đối với phần diện tích 317m², với số tiền là 380.400.000đ (Ba trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông V và ông S hiện nay có diện tích là 317m², thuộc 1 phần của thửa 3446, tờ bản đồ số 1 (diện tích toàn thửa là 812m²), mục đích sử dụng: Đất T, hiện do ông Đinh Minh S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất tranh chấp có 02 ngôi mộ (mộ bà Nguyễn Thị D (mẹ ông V) và mộ ông Lê Thanh H (con ông V), 01 căn nhà cấp 4, khung gỗ tạp, mái lợp tol, nhà sàn, nóng đá, diện tích là 63,5m², 01 bồn nuôi Lươn làm bằng bê tông, diện tích 72m², 23 cây Bạch Đàn trên 15 năm tuổi và một số cây ngăn ngày như Chuối,... do ông V trồng.

Tại phiên tòa, ông V yêu cầu ông S phải giao trả lại phần đất khu mồ mã có diện tích là $317m^2$ cho ông, để ông được nhận số tiền bồi thường thu hồi đất là 380.400.000 đồng.

[1] Xét thấy yêu cầu của ông V là có căn cứ để chấp nhận, bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa thể hiện: Phần đất tranh chấp hiện nay, trước đây có nguồn gốc đất là của gia đình ông V. Năm 1999, ông V thỏa thuận sang nhượng phần đất trên cho ông P, thời điểm ông V sang nhượng đất cho ông P thì phần đất tranh chấp ông V sử dụng để chôn mẹ và con ông V, phần còn lại ông V cất nhà ở cho con và trồng cây lâu năm nên giữa ông V và ông P có thỏa thuận chừa lại cho ông V quản lý và sử dụng (thể hiện trong giấy tay bán đất này 20/5/1999 giữa ông V và ông P). Năm 2003, ông P thỏa thuận sang nhượng phần đất trên lại cho ông Bé (anh ông S) và ông S, tại phiên tòa, ông P trình bày khi ông sang nhượng phần đất trên, ông có chỉ chừa lại phần diện tích đất khu mồ mã của gia đình ông V, lời trình bày này phù hợp với lời khai của ông Bé (anh ông S). Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018 ông Đinh Hoàng B trình bày: *Phần đất ông P có diện tích là $9.058m^2$ (thửa 331, 332 và 337), lúc đó thỏa thuận tôi sang nhượng phần đất trên của ông P, sau đó tôi với ông S chia ra mỗi người mua $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên của ông P, chia phần đất trên ra làm 2 phần, tính từ lộ nhựa cho đến sau hậu, với số tiền là 180.000.000đ, phần của tôi trả cho ông P 100.000.000đ, phần của ông S trả cho ông P 80.000.000đ. Sau khi thỏa thuận mua bán, phần của tôi $\frac{1}{2}$ diện tích nhưng phần của tôi lấy đủ đất, đất thổ cư nhiều hơn ông S nên trả tiền nhiều hơn, phần của ông S cũng được $\frac{1}{2}$ diện tích như tôi nhưng ông S phải chừa lại khu mồ mã của gia đình ông V nên ông S trả tiền sang nhượng ít hơn tôi.*

Lúc sang nhượng có thỏa thuận chừa lại khu mồ mã cho ông V, lúc đó phần diện tích đất khu mồ mã thuộc về thửa đồ của ông S nên ông S mới trả tiền sang nhượng đất ít hơn tôi (ông S trả tiền sang nhượng đất ít hơn tôi 20.000.000đ). Lúc tôi sang nhượng đất của ông P thì phần đất khu mồ mã của gia đình ông V có 1 cái mộ của mẹ ông ông V, sau khi tôi sang nhượng phần đất trên thì ông V chôn thêm 1 ngôi mộ nữa của con ông V, sau này ông V cất thêm nhà để cho con ông V ở. Lúc sang nhượng đất tôi nhớ là không có đo chừa lại khu mồ mã cho gia đình ông V nhưng lúc đó bên tôi có trồng trụ đá ranh để xác định phần diện tích đất khu mồ mã của gia đình ông V. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phần diện tích đất của ông S với phần khu mồ mã của gia đình ông V hiện nay vẫn còn các trụ đá để xác định ranh đất giữa các bên. Tại phiên tòa, ông V trình bày từ lúc ông sang nhượng đất cho ông P, ông P sang nhượng lại cho ông Bé nhưng phần đất khu mồ mã vẫn do ông quản lý và sử dụng. Tại phiên tòa, ông P và ông S cũng thừa nhận rằng phần đất khu mồ mã từ trước đến nay do ông V quản lý và sử dụng, ông V dùng để

chôn cất mẹ và con ông V, cất nhà ở, làm bồn nuôi Lươn và trồng cây lâu năm nhưng từ đó cho đến nay ông không có ý kiến hay tranh chấp gì. Mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018 của ông Lê Hữu C và ông Trần Văn H là những người sống gần với phần đất tranh chấp trên đều xác định: Phần diện tích đất khu mồ mã từ trước đến nay do ông V quản lý và sử dụng. Như vậy, có căn cứ xác định phần diện tích đất khu mồ mã tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông V. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu ông S phải giao trả lại phần đất trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, ông S trình bày: Phần diện tích đất khu mồ mã của gia đình ông V, trong quá trình ông chuyển nhượng đất từ ông P thì phần đất này đã cắt ra thành thửa riêng cho bên ông V nên phần đất khu mồ mã không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì, qua thu thập chứng cứ thể hiện: phần diện tích đất khu mồ mã trước khi ông V sang nhượng cho ông P thuộc thửa 331, tờ bản đồ số 1 do ông V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông P sang nhượng lại cho ông Bé và ông S thì phần diện tích đất tranh chấp thuộc 1 phần của thửa 3446, do ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại quyết định số 265/QĐ-HĐBT-HT&TĐC ngày 31/01/2018 và bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T thể hiện, phần diện tích đất tranh chấp bị thu hồi thuộc thửa 3446 do ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, hiện nay ông V không còn thửa đất nào cặp với thửa đất của ông S hết. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã P thể hiện: Ông S thống nhất nhận số tiền bồi thường phần diện tích đất tranh chấp để giao trả lại cho ông V. Như vậy, chứng tỏ rằng phần diện tích đất khu mồ mã vẫn nằm trong thửa 3446, do ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của ông.

[3] Đối với phần đất các bên tranh chấp hiện nay có diện tích là $317m^2$, hiện nay Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông đã thu hồi để làm hệ thống giao thông và có bồi thường khi thu hồi đất.

Tại công văn số 1312/UBND-NC, ngày 23/11/2018, UBND huyện T xác nhận số tiền bồi thường khi thu hồi đất đối với thửa 3446 là $1.200.000đ/m^2$. Do các bên tranh chấp nên UBND huyện chưa chi trả tiền đền bù phần đất trên cho ai.

Như vậy số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi phần đất tranh chấp trên cụ thể như sau:

$$317m^2 \times 1.200.000đ/m^2 = 380.400.000 \text{ đồng.}$$

Do phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông V, nên ông V được đến Ủy ban nhân dân huyện T để nhận số tiền bồi thường trên.

[4] Do yêu cầu của ông V là có căn cứ chấp nhận nên ông S phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng tại phiên tòa, ông V thống nhất chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lần đầu (đã nộp xong), ông S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lần thứ 2 (đã nộp xong).

[5] Do yêu cầu của ông V là có căn cứ chấp nhận nên ông S phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông S thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghĩ nên miễn tiền án phí cho ông S là đúng theo quy định.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 74, 75, 79 và Điều 166 Luật Đất đai; điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V đối với ông Đinh Minh S.

2/ Buộc ông Đinh Minh S có trách nhiệm giao trả lại cho ông Lê Văn V phần đất khu mô mã có diện tích là 317m², thuộc một phần của thửa 3446, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02100 QSDĐ/2765/H, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 24/12/2003 do ông Đinh Minh S đứng tên, cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa 326 có chiều dài là 23,39 mét (Từ mốc số 6 đo đến mốc số 15);

Hướng Bắc giáp với tỉnh lộ 844 có chiều dài là 13,83 mét (Từ mốc số 6 đo đến mốc số 4);

Hướng Tây giáp với phần còn lại của thửa 3446 có chiều dài là 27,83 mét (Từ mốc số 4 đo đến mốc số 16);

Hướng Nam giáp với phần còn lại của thửa đất số 3446 có chiều dài là 9,53 mét (Từ mốc số 17 đo đến mốc số 16).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 08/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Ông Lê Văn V được đến Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông để nhận số tiền đền bù đối với phần diện tích 317m², với số tiền là 380.400.000đ (Ba trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)

Ông Lê Văn V tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.339.000đ (đã nộp xong).

Ông Đinh Minh S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.678.000đ (Đã nộp xong)

Về án phí: Ông Đinh Minh S được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ